

Số: **1127** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **13** tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng  
vùng huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 17/04/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của UBND huyện Trà Bồng tại Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 05/5/2022 và Công văn số 2164/UBND-KTTH ngày 01/8/2022; đề xuất

*của Hội đồng thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Báo cáo thẩm định số 143/BCTĐ-HĐTĐ ngày 30/9/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Toàn bộ ranh giới quản lý hành chính của huyện Trà Bồng với tổng diện tích tự nhiên khoảng 760,40 km<sup>2</sup>, có 16 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 1 thị trấn Trà Xuân và 15 xã (Trà Phú, Trà Bình, Trà Sơn, Trà Thủy, Trà Bùi, Trà Tân, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Giang, Hương Trà, Trà Tây, Trà Phong, Sơn Trà, Trà Xinh, Trà Thanh). Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông: Giáp huyện Bình Sơn và huyện Sơn Tịnh;
- Phía Tây: Giáp huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam;
- Phía Nam: Giáp huyện Sơn Hà và huyện Sơn Tây;
- Phía Bắc: Giáp huyện Bắc Trà My và huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

3. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện phải đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo vệ cảnh quan môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- Định hướng quy hoạch phát triển mạng lưới các đô thị, khu - cụm công nghiệp, khu du lịch - dịch vụ, khu dân cư phù hợp với sự phân bố các vùng kinh tế, phù hợp với khả năng phát triển; đảm bảo kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đồng thời gắn liền với bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa.

- Tập trung đầu tư phát triển các đô thị, khu - cụm công nghiệp, khu du lịch - dịch vụ nhằm tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn trong toàn huyện.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn toàn huyện, tập trung chủ yếu các vấn đề:

+ Làm công cụ điều phối, kiểm soát quá trình phát triển đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện.

+ Làm cơ sở cho công tác lập, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn, xây dựng kế hoạch, triển khai đầu tư xây dựng trong khu vực đô thị, nông thôn và khu chức năng khác theo quy hoạch.

+ Góp phần hoàn thiện Tiêu chí số 1 (Quy hoạch) theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, làm cơ sở để huyện Trà Bồng đạt huyện nông thôn mới.

#### 4. Các dự báo phát triển

##### a) Dự báo phát triển dân số

Dân số toàn huyện Trà Bồng đến ngày 31/12/2020 có 53.598 người. Dự báo quy mô dân số toàn huyện đến năm 2030 khoảng 62.000 người, tốc độ tăng dân số trung bình 1,47%; đến năm 2040 khoảng 70.000 người, tốc độ tăng dân số trung bình 1,22%.

##### b) Dự báo lao động

- Đến năm 2030: Số người trong độ tuổi lao động toàn huyện dự báo khoảng 40.300 lao động, trong đó lao động phi nông nghiệp là 16.970 người (chiếm 42,11% tổng lao động toàn huyện).

- Đến năm 2040: Số người trong độ tuổi lao động toàn huyện dự báo khoảng 44.100 lao động, trong đó lao động phi nông nghiệp khoảng 20.581 người (chiếm 46,67% tổng lao động toàn huyện).

##### c) Dự báo đô thị hóa và dân số đô thị

- Đến năm 2030: Dân số đô thị trên địa bàn toàn huyện dự báo khoảng 16.000 người. Trong đó, đô thị Trà Xuân khoảng 10.000 người, đô thị Trà Bình khoảng 6.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 25,80%.

- Đến năm 2040: Dân số đô thị toàn huyện dự báo khoảng 29.000 người. Trong đó, đô thị Trà Xuân khoảng 13.000 người, đô thị Trà Bình khoảng 8.000 người, đô thị Trà Phong khoảng 8.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 41,42%.

##### d) Dự báo đất xây dựng đô thị

- Năm 2030: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị toàn huyện dự báo khoảng 290 ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 180 -185m<sup>2</sup>/người. Trong đó:

+ Đô thị Trà Xuân: 180 ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 180 m<sup>2</sup>/người;

+ Đô thị Trà Bình: 110 ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 185 m<sup>2</sup>/người.

- Năm 2040: Tổng diện tích đất xây dựng đô thị toàn huyện dự báo khoảng 500 ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 176 -180 m<sup>2</sup>/người. Trong đó:

+ Đô thị Trà Xuân: 220 ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 176 m<sup>2</sup>/người;

+ Đô thị Trà Bình: 140 ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 180 m<sup>2</sup>/người;

+ Đô thị Trà Phong: 140 ha, chỉ tiêu bình quân khoảng 180 m<sup>2</sup>/người.

#### 5. Tính chất vùng huyện Trà Bồng

- Là vùng phát triển nông - lâm - thủy sản theo hướng công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn gắn với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và du lịch sinh thái.

- Là vùng phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ tài nguyên và môi

trường sinh thái nhằm phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Là vùng nguyên liệu cho các nhà máy công nghiệp chế biến.

6. Phân vùng chức năng và định hướng phát triển không gian vùng

a) Mô hình phát triển vùng huyện

- Mô hình phát triển kinh tế chính của vùng huyện Trà Bồng là vùng phát triển kinh tế tổng hợp: Công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ - du lịch và nông - lâm - thủy sản. Phát triển kinh tế gắn với các tiềm năng chính trong vùng, đảm bảo giữ vững quốc phòng, an ninh.

- Hành lang phát triển kinh tế chủ đạo của huyện hình thành theo các tuyến giao thông huyết mạch: Trục cao tốc Quảng Nam - Quảng Ngãi (CT22); trục Quốc lộ 24C; trục trung du (theo quy hoạch vùng tỉnh); trục đường tỉnh 622C; trục đường tỉnh 622B; trục đường tỉnh 626; trục đường Trà Tân - Hương Trà; trục Trà Bùi - ĐT.626 (ĐH.68B); trục ĐH.69.

- Các tiểu vùng phát triển kinh tế của huyện bao gồm:

+ Tiểu vùng trung tâm: Thuộc ranh giới hành chính thị trấn Trà Xuân, xã Trà Bình, xã Trà Phú. Hướng phát triển chính: Phát triển thương mại, dịch vụ tại thị trấn Trà Xuân; đầu tư cơ sở hạ tầng khung đồng bộ để xây dựng Trà Bình phát triển theo tiêu chuẩn đô thị loại V; phát triển du lịch (du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, chữa bệnh, phục hồi sức khỏe... gắn với nguồn khoáng Thạch Bích tại xã Trà Bình; du lịch tâm linh, tìm hiểu lịch sử, phong tục tập quán đồng bào dân tộc); phát triển cụm công nghiệp tại thị trấn Trà Xuân, xã Trà Bình; hình thành vùng trồng rau sạch, trồng hoa, cây cảnh ven sông Trà Bồng tại các xã Trà Bình, Trà Phú, thị trấn Trà Xuân; hình thành các khu chăn nuôi tập trung tại xã Trà Phú, xã Trà Bình.

+ Tiểu vùng thấp: Thuộc ranh giới hành chính các xã Trà Sơn, Trà Hiệp, Trà Thủy, Trà Giang, Trà Tân, Trà Bùi. Hướng phát triển chính: Phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng trên 1 đơn vị diện tích (hình thành vùng trồng rau, củ, quả theo hướng nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp an toàn, vùng chăn nuôi tập trung với mô hình chăn nuôi khép kín tại xã Trà Tân); phát triển các vùng trồng cây quế, cây dược liệu; trồng rừng phòng hộ đầu nguồn; phát triển cụm công nghiệp tại xã Trà Thủy; kêu gọi thu hút đầu tư nhà máy chế biến nông sản. Đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng sinh thái Cà Đam, du lịch Trà Bói, Cà Đú,... Phát triển thủy điện nhỏ kết hợp du lịch sinh thái rừng, hồ.

+ Tiểu vùng cao: Thuộc ranh giới hành chính các xã Trà Lâm, Hương Trà, Sơn Trà, Trà Tây, Trà Phong, Trà Xinh, Trà Thanh. Hướng phát triển chính: Đầu tư cơ sở hạ tầng khung đồng bộ để xây dựng Trà Phong phát triển theo tiêu chuẩn đô thị loại V. Phát triển kinh tế rừng, như: Trồng cây gỗ lớn, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn để bảo vệ nguồn nước; phát triển các loại cây quế, chè, gừng Gió, cây Hương, các loại cây dược liệu phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng của tiểu vùng. Khai thác các loại hình du lịch tìm hiểu văn hóa

đồng bào người dân tộc, các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thám hiểm núi rừng, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp gắn với các loại cây đặc sản địa phương, du lịch sinh thái Hồ Nước Trong gắn với các hoạt động chèo thuyền tham quan lòng hồ... Phát triển thủy điện kết hợp nuôi thủy sản tại các lòng hồ thủy điện.

b) Phân bố các khu - cụm công nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ

b1) Phân bố khu - cụm công nghiệp:

- Cụm công nghiệp thị trấn Trà Xuân: Giai đoạn ngắn hạn, giữ nguyên quy mô hiện trạng; giai đoạn dài hạn quy hoạch mới quỹ đất phát triển cụm công nghiệp tại vị trí phía Bắc sông Trà Bồng (xã Trà Thủy) với quy mô diện tích khoảng 15 ha nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp của huyện trong tương lai.

- Cụm công nghiệp Trà Bình: Với quy mô diện tích 15ha (giai đoạn 2021-2030 là 10 ha; giai đoạn 2031-2040 diện tích mở rộng thêm 5ha).

- Cụm công nghiệp đồi Sim, xã Trà Phong: Giai đoạn 2021-2030 hoàn thiện hạ tầng, kêu gọi thu hút đầu tư lấp đầy 5 ha.

- Đối với các điểm tiêu thụ công nghiệp: Giữ lại một số điểm tiêu thụ công nghiệp hiện trạng, quy hoạch mới điểm tiêu thụ công nghiệp tại xã Trà Tân với diện tích 5 ha; thôn Trà Kem, xã Trà Xinh (diện tích 2 ha); thôn Nguyên, xã Trà Hiệp (diện tích 1,4 ha); thôn Trà Lạc, xã Trà Lâm (diện tích 1,4 ha).

b2) Phân bố các cụm, điểm du lịch:

- Khu du lịch: Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Cà Đam ở xã Trà Bùi, với diện tích quy hoạch là 1.286,74 ha; Khu du lịch sinh thái Thạch Bích, xã Trà Bình, với tổng diện tích quy hoạch khoảng 200 ha (trong đó, diện tích thuộc huyện Trà Bồng khoảng 185,11 ha, diện tích thuộc huyện Bình Sơn khoảng 14,89 ha). Khu du lịch sinh thái Hà Nang, xã Trà Thủy, với diện tích là 10 ha.

- Điểm du lịch:

+ Điểm du lịch sinh thái: Suối Cà Đú, xã Trà Thủy (diện tích 20 ha); suối Trà Bói, xã Trà Giang (diện tích 50 ha); suối Chè, xã Trà Hiệp (diện tích 5 ha); suối Hai Dững, xã Trà Hiệp; suối Nước Lùng (thác Cam Ly), xã Trà Tân (diện tích 10 ha); du lịch sinh thái hồ Nước Trong, xã Trà Xinh và xã Trà Tây. Du lịch trải nghiệm nông nghiệp hữu cơ gắn với vùng trồng dược liệu, vùng trồng chè Trà Nham tại xã Hương Trà;

+ Điểm du lịch tâm linh: Điện Trường Bà tại thị trấn Trà Xuân; miếu Bạch Hồ, thị trấn Trà Xuân; hang Bà, xã Trà Thủy; miếu Phú Long, xã Trà Phú. Du lịch tìm hiểu di tích lịch sử gắn với quần thể di tích khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi; di tích Trường Lũy - Quảng Ngãi; di tích Đồn Mỹ Trấn, Trà Xuân; di tích Trạm xá T30, xã Trà Tân ...

- Tuyến du lịch: Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Trà Bồng; tuyến du

lịch tham quan tìm hiểu theo dấu tích Trường Lũy; tuyến du lịch đường sông Trà Bồng; tuyến du lịch tham quan tìm hiểu văn hóa đồng bào dân tộc dọc theo đường tỉnh ĐT 626.

b3) Phân bố vùng phát triển thương mại - dịch vụ:

- Định hướng giai đoạn 2021 - 2025: Xây dựng mới chợ Trà Lom tại vị trí mới đạt tiêu chuẩn chợ loại 3; xây dựng mới chợ trung tâm cụm xã Tân - Bùi tại vị trí xã Trà Tân; xây dựng mới các chợ xã: Trà Phú, Trà Sơn, Trà Lâm, Trà Giang.

- Định hướng giai đoạn 2026-2040: Xây dựng mới chợ Trà Bồng đạt tiêu chuẩn chợ đô thị; nâng cấp, mở rộng chợ Trà Phong tại thôn Gò Rô, xã Trà Phong; nâng cấp, mở rộng chợ Trà Bình đạt tiêu chuẩn chợ loại 3; xây mới các chợ xã: Trà Hiệp, Trà Thanh, Hương Trà, Sơn Trà, Trà Tây.

- Đầu tư hệ thống các cửa hàng xăng dầu tại các xã trên các trục đường chính nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân.

c) Tổ chức mạng lưới đô thị

- Đến 2030 toàn huyện sẽ có 2 đô thị: Đô thị Trà Xuân đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV; xã Trà Bình phấn đấu đạt tiêu chí của đô thị loại V.

- Đến 2040 toàn huyện sẽ có 3 đô thị: Đô thị Trà Xuân đạt một số tiêu chí của đô thị loại IV; các xã: Trà Phong, Trà Bình đạt đô thị loại V.

d) Phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn

- Dân số nông thôn dự báo: Đến năm 2030, khoảng 39.500 người, chiếm tỷ lệ khoảng 63,70% tổng dân số; năm 2040, khoảng 41.000 người, chiếm tỷ lệ khoảng 58,58% tổng dân số.

- Định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở các điểm dân cư hiện hữu, khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế tối đa sử dụng đất canh tác.

- Ưu tiên phát triển các khu dân cư tại trung tâm các xã đóng vai trò trung tâm của tiểu vùng.

đ) Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

đ1) Hệ thống giáo dục, đào tạo:

- Giai đoạn đến năm 2025: Phấn đấu có khoảng 45% số trường mầm non, 60% số trường tiểu học, 60% trường trung học cơ sở, 100% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

- Giai đoạn đến năm 2030: Nâng tỷ lệ số trường đạt chuẩn quốc gia lên 70% mầm non, 80% tiểu học, 80% trường trung học cơ sở; duy trì 100% trường phổ thông đã đạt được phấn đấu có 1 trường đạt chuẩn cấp độ 2.

- Giai đoạn đến năm 2040: Phấn đấu tất cả các trường trong huyện đều đạt chuẩn quốc gia.

đ2) Hệ thống văn hóa, thể dục thể thao:

- Đầu tư xây mới sân vận động huyện Trà Bồng, sân thể dục thể thao các xã: Trà Giang, Trà Hiệp, Trà Lâm, Trà Bình, Trà Phú, Hương Trà, Trà Tây, Trà Xinh, Sơn Trà, Trà Phong, Trà Thanh.

- Nhà văn hóa: Định hướng đến 2030 xây dựng mới 7 nhà văn hóa các xã, thị trấn trong huyện (thị trấn Trà Xuân, xã Trà Bùi, Trà Lâm, Trà Phong, Trà Thanh, Sơn Trà, Trà Tây) và nhà văn hóa thôn, tổ dân phố còn thiếu.

- Xây mới bưu điện văn hóa xã Trà Giang.

- Tại trung tâm các xã, thời gian đến để đáp ứng tốt hơn về nơi vui chơi giải trí cho người dân, cần tiến hành đầu tư xây dựng các công viên - vườn hoa.

đ3) Hệ thống y tế:

- Giai đoạn đến năm 2025: Phấn đấu 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Có 100% số trạm y tế xã, thị trấn đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị và thuốc, các trạm y tế đảm bảo diện tích mặt bằng theo chuẩn quy định.

- Giai đoạn đến năm 2030 và các năm tiếp theo: Tiếp tục duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông

a1) Đường bộ:

- Giao thông đối ngoại:

+ Trục cao tốc Quảng Nam - Quảng Ngãi (CT22): Thực hiện theo quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; bố trí 01 điểm nối liên thông với QL24C tại khu vực gần đô thị Trà Xuân.

+ Trục ngang N1: Trục Trà My - Trà Bồng - Dung Quất (QL.24C): Tuyến đường đi qua địa phận các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Bắc Trà My (tỉnh Quảng Nam). Tổng chiều dài tuyến đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi là 80,7km. Quy mô đoạn qua huyện Trà Bồng đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi.

- Trục dọc D4 (Trục dọc Trung du): Điểm đầu xuất phát từ xã Trà Phú huyện Trà Bồng, điểm đầu từ đường QL24C, nối tiếp của đường ĐH.69; điểm cuối thị xã Đức Phổ. Tổng chiều dài toàn tuyến 92km. Đoạn qua huyện Trà Bồng quy mô đạt tiêu chuẩn cấp V miền núi.

+ Trục dọc D5: Trục dọc miền núi (đi trùng với tuyến ĐT.622B, ĐT.626, QL.24B, QL.24): Điểm đầu giao với QL.24C thuộc xã Trà Thanh (giao QL.24C tại Km74+400); điểm cuối tuyến tại Km50+345/QL.24 (điểm giao với tuyến tránh đèo Viôlăk), đoạn qua huyện Trà Bồng dài 46,2km; quy mô đường cấp IV miền núi.

- Trục đường tỉnh 01 (ĐT.622B): Tuyến Quốc lộ 1 - Trà Phong trên cơ

sở tuyến ĐT.622B hiện tại và trục ngang N1, quy mô tuyến qua huyện Trà Bồng cấp IV miền núi.

- Trục đường tỉnh 02 (ĐT.622C): Tuyến ĐT.622C hiện hữu, đi qua địa phận các huyện: Sơn Tịnh và Trà Bồng, với tổng chiều dài là 23km. Quy mô tuyến cấp III đồng bằng.

Điểm đầu Km0+0.00 giao với QL1 tại Km1049+450/QL1 thuộc xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh. Điểm cuối Km23+0.00 giao với tuyến ĐT.622B tại Km19+200/ĐT.622B thuộc xã Trà Bình, huyện Trà Bồng.

\* Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường huyện:

+ Tuyến đường huyện ĐH.68C (Trà Tân - Hương Trà): Nâng cấp, mở rộng và kéo dài tuyến về phía xã Hương Trà kết nối với đường ĐT.622B chiều dài tuyến xây mới khoảng 6,3km, cấp V miền núi.

+ Tuyến đường huyện số 4 (đường ngoại ô vùng hồ Nước Trong: Nâng cấp, mở rộng và kéo dài tuyến về phía Nam kết nối với đường ĐH.77 của xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà, với chiều dài tuyến xây mới khoảng 1,2km, cấp V miền núi.

+ Tuyến đường huyện Trà Phong - Trà Xanh: Nâng cấp, mở rộng chính tuyến và xây dựng cầu mới qua sông Tang nối liền hai thôn Hà Riêng, xã Trà Phong và thôn Trà Kem, xã Trà Xanh, với chiều dài tuyến xây mới khoảng 3,0km, cấp V miền núi.

+ Nâng cấp, mở rộng và kéo dài tuyến đường liên xã (tuyến Trà Sơn - Hương Trà - Cà Đam): Điểm đầu nối với đường ĐH.68C tại núi Nưôm đi về phía Bắc qua thôn Tây kết nối với đường Trà Bồng - Khởi Nghĩa tại thị trấn Trà Xuân, với chiều dài tuyến xây mới khoảng 3,5km, cấp V miền núi.

+ Xây dựng mới cầu ngã ba sông Hà Riêng – Sông Trà Ích, xã Trà Tây.

+ Nâng cấp tuyến đường huyện Trà Hiệp – Sơn Trà: Điểm đầu tại thôn Cưa, xã Trà Hiệp; điểm cuối UBND xã Sơn Trà, với chiều dài tuyến khoảng 9,0km, cấp VI miền núi.

+ Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Trà Bung, xã Trà Phong - Hương Trà, với chiều dài tuyến khoảng 5,0km, cấp VI miền núi.

+ Nâng cấp tuyến đường Sơn Trà – Eo Chim: Điểm đầu tại làng Gắm, xã Sơn Trà; điểm cuối Eo Chim, với chiều dài tuyến khoảng 9,0km, cấp VI miền núi.

+ Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trà Sơn - Trà Tân, với chiều dài tuyến khoảng 7,2km, cấp VI miền núi.

+ Đối với các tuyến đường huyện có hướng tuyến đi qua các đô thị: Định hướng theo các quy hoạch đô thị được duyệt.

- Giao thông tỉnh: Bố trí bến xe khách trung tâm thị trấn Trà Xuân, quy mô diện tích khoảng 2,10 ha. Xây dựng các bãi đỗ xe ở các đô thị với quy mô và khoảng cách hợp lý đảm bảo tiêu chuẩn QCVN 01:2021.



- Hệ thống giao thông công cộng: Hiện tại đã có tuyến xe buýt thành phố Quảng Ngãi - Trà Bồng, trong giai đoạn đến nâng cấp các trạm chờ và tần suất tuyến đảm bảo phục vụ người dân tốt hơn.

a2) Hệ thống giao thông đường thủy: Quy hoạch và đưa vào quản lý khai thác 2 tuyến đường thủy, cấp luồng quy hoạch là cấp V đường thủy nội địa.

+ Tuyến Châu Ổ đến thủy điện Cà Đú - thị trấn Trà Xuân (thượng lưu sông Trà Bồng) dài 21 km.

+ Tuyến Hồ Nước Trong từ xã Trà Xinh đi Sơn Hà, dài khoảng 12,5km.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

b1) San nền:

- Nền đất xây dựng đô thị và các khu dân cư phải đảm bảo không bị ngập úng, có tính toán đến hiện tượng biến đổi khí hậu. Tôn trọng địa hình tự nhiên, tránh đào đắp lớn. Đô thị Trà Xuân chọn cao độ khống chế với tần suất  $P=10\%$ ; cao độ nền xây dựng  $H_{xd} \geq +32,00m$ . Đô thị mới Trà Bình chọn cao độ khống chế với tần suất  $P=10\%$ ; cao độ nền xây dựng  $H_{xd} \geq +18,00m$ . Đô thị mới Trà Phong chọn cao độ khống chế với tần suất  $P=10\%$ ; cao độ nền xây dựng  $H_{xd} \geq +213,50m$ .

- Các điểm dân cư nông thôn: San nền cục bộ theo nền xây dựng hiện trạng, đảm bảo tần suất thiết kế  $P=10\%$ .

b2) Thoát nước:

- Khu vực đô thị chọn hệ thống thoát nước mưa riêng, nước thải riêng. Đô thị Trà Xuân: Hướng thoát ra sông Trà Bồng. Đô thị Trà Bình: Hướng thoát ra sông Trà Bồng. Đô thị Trà Phong: Hướng thoát ra sông Riềng.

- Khu vực dân cư nông thôn: Chọn hệ thống thoát nước chung.

b3) Hệ thống thủy lợi:

- Giai đoạn 2021 đến 2040 hoàn thiện hệ thống hồ, đập và kênh mương trên địa bàn huyện. Cải tạo, xây mới cống đập, trạm bơm theo quy hoạch mới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, hiệu quả cao, đảm bảo tưới chủ động cho diện tích đất nông nghiệp với tần suất đảm bảo tưới lên 100%.

c) Cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2030 khoảng  $8.163m^3/ng.đ$ , đến năm 2040 khoảng  $10.085m^3/ng.đ$ .

- Đối với khu vực đô thị:

+ Xây dựng mới nhà máy nước mặt tại xã Trà Lâm, dự kiến công suất là  $7.300 m^3/ng.đ$ .

+ Xây dựng mới nhà máy nước mặt tại xã Trà Phong, công suất nhà máy nước đến năm 2030 là  $1.000 m^3/ng.đ$ , năm 2040 nâng công suất lên  $2.000 m^3/ng.đ$ .

+ Giữ nguyên nhà máy nước mặt tại xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng, công suất hiện trạng nhà máy nước đến năm là 400 m<sup>3</sup>/ng.đ.

+ Xây dựng mới nhà máy nước mặt tại thôn Bình Tân, xã Trà Bình, công suất nhà máy nước đến năm 2030 là 1.000 m<sup>3</sup>/ng.đ. Đến năm 2040 nâng cấp công suất lên 2.000 m<sup>3</sup>/ng.đ.

+ Xây dựng mới nhà máy nước mặt đặt tại phía Tây - Bắc khu du lịch Thạch Bích, phía Bắc bờ sông Trà Bồng, với công suất 2.500 m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Cấp nước nông thôn: Xây dựng nâng cấp và xây mới các trạm xử lý nước nhỏ với quy mô từ 200 đến 1.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, để cấp nước cho các khu vực dân cư nông thôn của các xã.

#### d) Cấp điện

- Tổng nhu cầu cấp điện sinh hoạt cho toàn huyện đến năm 2030 khoảng 14,11MW, đến năm 2040 khoảng 24,53MW.

- Dự kiến xây dựng trạm 110kV Trà Bồng, thay thế cho trạm 35kV. Từng bước xây dựng thêm các xuất tuyến 22kV theo nhu cầu phụ tải của huyện.

#### đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

##### đ1) Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt các đô thị đến năm 2030 khoảng 1.800 m<sup>3</sup>/ng.đ, đến năm 2040 khoảng 2.784 m<sup>3</sup>/ng.đ. Lưu lượng nước thải công nghiệp năm 2030 khoảng 730 m<sup>3</sup>/ng.đ, đến 2040 khoảng 937 m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Thoát nước thải sinh hoạt các đô thị, cụm công nghiệp: Quy hoạch hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng, xây dựng các trạm xử lý tập trung để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Thoát nước thải dân cư nông thôn: Các trung tâm xã, các cụm dân cư nông thôn tập trung xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng. Xây dựng các bể xử lý nước thải cục bộ cho từng điểm dân cư. Đối với khu vực miền núi, chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt  $\geq 60\%$  lượng nước thải phát sinh.

##### đ2) Chất thải rắn:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp toàn huyện dự báo đến năm 2030 khoảng 29 tấn/ng.đ, đến năm 2040 khoảng 39,5 tấn/ng.đ.

- Định hướng xây dựng mới khu xử lý liên hợp chất thải rắn Trà Bồng, được bố trí phía Đông Bắc xã Trà Tân, huyện Trà Bồng, với diện tích khoảng 15ha.

##### đ3) Nghĩa trang:

- Nghĩa trang liệt sỹ thị trấn định hướng nâng cấp thành nghĩa trang liệt sỹ huyện.

- Xây dựng Nghĩa trang tập trung Phú Xuân tại xã Trà Phú đến năm 2040 với diện tích khoảng 5 ha.

- Cải tạo, mở rộng nghĩa trang Gò Rô, xã Trà Phong đến năm 2030 diện tích khoảng 3,0ha. Sau năm 2030, diện tích khoảng 5ha.

- Đối với khu vực dân cư các xã nông thôn huyện Trà Bồng: Dự báo nhu cầu sử dụng đất nghĩa trang các xã nông thôn huyện Trà Bồng giai đoạn năm 2021-2030 là 15,8 ha. Giai đoạn năm 2031-2040 là 16,6 ha. Định hướng xây dựng các nghĩa trang tập trung cho từng xã đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường.

e) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác

Định hướng quy hoạch các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác đồng bộ với định hướng phát triển không gian vùng, đảm bảo tốc độ phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị và công nghiệp của vùng huyện theo hướng bền vững.

g) Đánh giá môi trường chiến lược

g1) Giải pháp về kỹ thuật:

- Quy hoạch, xây dựng và quản lý có hiệu quả hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn.

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công viên cây xanh tại đô thị, khu - cụm công nghiệp, các khu dân cư lớn, hướng đến đảm bảo chỉ tiêu cây xanh theo quy định.

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây trồng vật nuôi, công nghệ tiên tiến về bảo quản, chế biến nông, lâm sản.

- Sử dụng đất tiết kiệm và tăng giá trị sử dụng đất, chống xói mòn, rửa trôi đất, hủy hoại đất; đẩy nhanh tiến độ phủ kín đất đồi núi trọc.

g2) Các giải pháp về quản lý, giám sát môi trường:

Xây dựng các chính sách sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nâng cao chất lượng môi trường đảm bảo sự phát triển bền vững; Kiểm soát lượng chất thải từ hoạt động công nghiệp, hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; Giám sát, bảo vệ chất lượng các nguồn tài nguyên nước, các hệ sinh thái rừng; xây dựng kế hoạch phòng ngừa và giảm thiểu tác hại do thiên tai và sự cố môi trường.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư

Phát triển hệ thống đô thị, cụm công nghiệp: Tập trung ưu tiên vào các dự án đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo lực phát triển, thuộc các lĩnh vực: Hạ tầng kỹ thuật khung (giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị và khu dân cư), các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu (hành chính, văn hóa - thể thao, y tế, giáo dục đào tạo...) và bảo vệ môi trường. Lựa chọn các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trong giai đoạn đầu hợp lý, đặc biệt là các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội huyện Trà Bồng đã đề ra, tập trung vào các lĩnh vực chính. Phát triển đô thị; phát triển khu - cụm công nghiệp; phát triển nguồn nhân lực; phát triển sản xuất kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động

theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; quy hoạch, xây dựng phát triển nông thôn mới.

*(Hồ sơ thuyết minh và bản vẽ được Sở Xây dựng thẩm định kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, theo dõi việc triển khai thực hiện theo quy hoạch, theo thẩm quyền.

2. UBND huyện Trà Bồng chịu trách nhiệm:

- Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng được duyệt;
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và nhân dân trong vùng quy hoạch biết và thực hiện;
- Tổ chức kiểm tra, rà soát các quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các dự án đang triển khai trên địa bàn huyện, để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện được duyệt;
- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT tỉnh;
- TT Huyện ủy, HĐND huyện Trà Bồng;
- Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 1001).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**